

# CÔNG NGHIỆP HÓA RÚT NGẮN CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ HIỆN NAY: HIỆN THỰC HAY KỶ VỌNG?

*Phùng Xuân Nga\**

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang là một trong những xu hướng phát triển nổi bật của nền kinh tế thế giới hiện nay. Với những nước phát triển, lợi ích to lớn của xu hướng này rất rõ ràng, nhưng với các nước nghèo, đang ở trình độ phát triển thấp thì tác động của xu hướng này còn là nhiều ẩn số.

So với nhiều nước trong khu vực, Việt Nam còn thiếu nhiều kinh nghiệm hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia vào toàn cầu hóa. Hơn nữa, điều kiện phát triển lại khó đáp ứng được rất nhiều các cam kết của hội nhập. Trong khi đó, mục tiêu phát triển đề ra là sẽ trở thành nước công nghiệp vào năm 2020? Căn cứ vào mục tiêu này khá nhiều, trong đó rất kỳ vọng vào lợi ích từ hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa.

Đối với nhiều nước đang phát triển, để thực hiện thành công công nghiệp hóa (CNH) cần khoảng thời gian khá dài, thường khoảng 30 năm (Malaysia, Hàn Quốc, Singapore...); với Việt Nam, chỉ còn 17 năm nữa liệu mục tiêu trở thành nước công nghiệp có thành hiện thực?

## **I. MỘT SỐ LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN**

1. Công nghiệp hóa rút ngắn là quá trình hiện đại hóa sản xuất theo hướng nền kinh tế trí thức, trong đó đặc biệt chú ý đến ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ trên thế giới và thu hút, sử dụng các nguồn lực phát triển từ bên ngoài. Công nghiệp hóa rút ngắn không nhất thiết phải phát triển tuần tự theo các giai đoạn công nghiệp hóa như các nước đi trước đã thực hiện, mà có thể đan xen ở các mức độ khác nhau, nhưng không bỏ qua hoặc “nhảy vọt” các bước hoặc điều kiện

\* Tiến sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội. Việt Nam.

cần thiết của tiến trình hiện đại hóa nền kinh tế và phải có định hướng ưu tiên cụ thể ở tầm nhìn dài hạn.

2. Công nghiệp hóa rút ngắn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa phải theo hướng phát triển bền vững và dựa trên nguyên tắc phát huy lợi thế so sánh, trong đó đặc biệt chú ý đến lợi thế so sánh động. Mặt khác, công nghiệp hóa rút ngắn chỉ có thể thành công thực sự khi các lĩnh vực văn hóa, chính trị-xã hội được đổi mới, tương thích với yêu cầu và nội dung của nó. Nói một cách khác, các điều kiện cần và đủ để thực hiện công nghiệp hóa rút ngắn phải được thực hiện đồng bộ, nghiêm túc và có hệ thống. Mọi quan điểm phải hướng vào tăng trưởng và phát triển làm trung tâm.

3. Toàn cầu hóa, xét về bản chất, là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau của tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị-xã hội của các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa, xét về phạm vi kinh tế, là quá trình phát triển, đan xen của các thị trường tài chính, hàng hóa, dịch vụ,... giữa các quốc gia, khu vực do tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ và được thực hiện chủ yếu bởi các công ty xuyên quốc gia (TNCs).

4. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình chủ động, từng bước gắn kết nền kinh tế và thị trường của từng nước với kinh tế khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực tự do hóa và mở cửa trên các cấp độ đơn phương, song phương và đa phương. *Hội nhập kinh tế quốc tế của một nước chỉ thực sự thành công nếu được tiến hành đồng thời với hội nhập quốc tế trong tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị-xã hội.* Nếu tách biệt hoặc chênh lệch quá xa mức độ hội nhập quốc tế giữa các lĩnh vực sẽ dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực, khó lường; không thực hiện được các cam kết quốc tế; xung đột các khuynh hướng phát triển, lợi ích và dẫn đến tình trạng bị động, ngập ngừng trong hội nhập kinh tế quốc tế.

## II. CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN VÀ ĐỦ ĐỂ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHIỆP HÓA RÚT NGẮN

1. Thống nhất về nhận thức, quan điểm là một trong những điều kiện thực hiện CNH rút ngắn. Sự sai lệch và khác biệt quá lớn về phương pháp và trình độ tư duy phát triển sẽ dẫn tới nhiều bất đồng trong nhận thức, quan điểm phát triển, từ đó đã dẫn đến những hành động ngập ngừng, do dự trong việc sử dụng các nguồn lực bên ngoài để thực hiện CNH. Đồng thời, nó cũng đang là rào cản rất lớn trong phối hợp điều hành giữa các cơ quan chức năng của nước ta trong thực hiện các cam kết của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. *Tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, trong đó đặc biệt cần hạn chế hoặc xóa bỏ những chính sách*

làm “méo mó” giá cả để giá cả sát với chi phí thực tế. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa, một quốc gia nhỏ (trình độ phát triển thấp) không thể duy trì nguyên tắc riêng của mình được. Trái lại, phải thích ứng với “luật chơi chung” của các nước thành viên, trong đó về cơ bản, dựa trên nguyên tắc của cơ chế thị trường.

3. Chiến lược CNH rút ngắn không nên dựa quá nhiều vào những lợi thế đang có (lợi thế tĩnh), mà cần chú ý đến phát triển các lợi thế so sánh động, trong đó đặc biệt là yếu tố con người (nguồn nhân lực) và thu hút các nguồn lực phát triển từ bên ngoài. Để minh họa cho luận điểm này, chúng ta hãy xem xét hàm sản xuất  $Y = f(K, L, T, L_d, \dots)$ , trong đó K là vốn; L là lao động; T là công nghệ;  $L_d$  là đất;... (chỉ xét các thành tố cơ bản của hàm tăng trưởng).

Rõ ràng, trong một số nước có trình độ phát triển thấp như Việt Nam thì tiết kiệm nội địa không thể cao được (có thể tỷ lệ tiết kiệm cao trong GDP nhưng lượng vốn nhỏ). Bởi vậy, các mục tiêu của CNH nói chung, đặc biệt là CNH rút ngắn, khó có thể thực hiện được nếu không thu hút nguồn vốn bên ngoài. Trong các nguồn vốn nước ngoài, ODA mặc dù rất quan trọng nhưng chứa nhiều tiềm ẩn đe dọa nguy hiểm cho nền kinh tế vì sử dụng kém hiệu quả, chấp nhận các điều kiện bất lợi và phải trả nợ. Các nguồn vốn tín dụng thương mại, vay nước ngoài (tư nhân), kiểu hối rất hạn chế do hiệu quả sử dụng vốn thấp hoặc thiếu các chính sách phù hợp. Do vậy, chủ yếu phải nhìn vào nguồn vốn đầu tư nước ngoài, trong đó đặc biệt là FDI. Ở Việt Nam, ưu điểm nổi bật của FDI thì đã quá rõ ràng những điều kiện để thu hút và sử dụng nguồn vốn này vẫn còn quá nhiều bất cập, trong đó đặc biệt là thiếu đầu tư nước ngoài gián tiếp.

Về công nghệ-yếu tố cốt lõi của CNH rút ngắn cũng không thể tự phát triển được nếu không có nguồn công nghệ từ bên ngoài. Kinh nghiệm thành công của các nước CNH trong khu vực cho thấy, với thời gian ngắn, nhờ thu hút đầu tư nước ngoài, chênh lệch trình độ phát triển công nghệ nội địa với trình độ công nghệ quốc tế đã được rút ngắn đáng kể. Để có thành công này, họ đã thực sự coi trọng vai trò của các công ty xuyên quốc gia và coi chúng như động lực (Singapore) hoặc chìa khóa (Malaysia) trong phát triển khả năng phát triển công nghệ nội địa. Đối với Việt Nam, khó có thể có trình độ công nghệ đáp ứng được yêu cầu của CNH nếu thiếu nguồn công nghệ từ bên ngoài.

Đất đai cũng là thành tố quan trọng của phát triển, tuy nhiên hiếm có nước nào trên thế giới coi đây là yếu tố then chốt của CNH. Với Việt Nam, đất hẹp người đông, giá cả quá đắt đỏ (so với giá trị thực của nó), hơn nữa đất đai không sinh sôi thêm được, bởi vậy khó có thể khai thác yếu tố này như chìa khóa của CNH.

Suy cho cùng, hàm tăng trưởng của Việt Nam sẽ phụ thuộc vào lao động (yếu tố con người). Tiềm năng con người khai thác không hạn định. Nguồn nhân lực phát triển tốt sẽ có các chính sách phát triển hợp lý, có nhiều vốn đầu tư, có công nghệ hiện đại và có tất cả các yếu tố cần thiết cho tăng trưởng cao, bền vững. Nếu không, tất cả các yếu tố này sẽ chỉ là tiềm năng hoặc mong muốn. Có thể nói yếu tố nguồn nhân lực chất lượng cao mới là chìa khóa của CNH rút ngắn ở Việt Nam. Với dân số đông và tiềm năng phát triển lớn, nếu Việt Nam thực sự biết khai thác có hiệu quả lợi thế này thì mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020 có thể thành hiện thực.

Hiện nay, nhiều quan điểm cho rằng dân số đông, lao động rẻ là lợi thế so sánh của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng thực ra đây mới chỉ là những lợi thế ngắn hạn, còn về lâu dài phải là chất lượng nguồn lao động. Có nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là tiền đề có tính quyết định đến tất cả các thành tố của tăng trưởng. Trong bối cảnh tự do hóa di chuyển các nguồn lực sản xuất quốc tế ngày nay, nếu một quốc gia có chính sách hợp lý, đội ngũ lao động lành nghề, trình độ cao thì sẽ là điểm đến lý tưởng của các công ty xuyên quốc gia. Nhờ đó, sẽ rút ngắn được thời gian CNH.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để nâng cao được chất lượng nguồn nhân lực? Vấn đề này không phải là mới và cũng có nhiều giải pháp thực hiện. Tuy nhiên, cho đến nay, về cơ bản vẫn chưa giải quyết được, thậm chí lại có chiều hướng phát triển tụt lùi.

Theo kinh nghiệm của các nước thành công trong khu vực (Hàn Quốc, Singapore, Malaysia,...), hội nhập quốc tế về giáo dục phải được thực hiện trước và song hành với hội nhập kinh tế quốc tế. Họ rất chú trọng đến chuẩn bị đội ngũ nhân lực có trình độ quốc tế trước khi hội nhập. Để làm công việc này, họ đã mở cửa thực sự thu hút cho các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề uy tín của nước ngoài, trong đó nhất là từ những nước có trình độ phát triển cao như Mỹ, Nhật, EU,... Họ chấp nhận cạnh tranh trong giáo dục để nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời họ cũng tạo điều kiện, khuyến khích công dân đi đào tạo ở nước ngoài.

Ở Việt Nam, phát triển nguồn nhân lực theo hướng như các nước trên cũng đã thực hiện, nhưng cho đến nay, vẫn chưa có kết quả đáng kể. Về cơ bản, vẫn chỉ là giáo dục nội địa, tự đào tạo lẫn nhau, thiếu vắng yếu tố nước ngoài, chưa có cạnh tranh trong ngành giáo dục. Quan điểm cạnh tranh trong giáo dục vẫn còn quá xa lạ và khó chấp nhận trong dư luận xã hội và các chính sách giáo dục. Quan điểm này không phù hợp với cơ chế thị trường.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế, một quốc gia không nhất thiết phải tập trung nguồn lực nội địa hạn hẹp hoặc vay nợ nước ngoài để tự xây

dựng các cơ sở đào tạo, trong đó nhất là xây dựng các trường đại học lớn, mà cần thu hút, sử dụng các công nghệ đào tạo của nước ngoài và từng bước khuyến khích cạnh tranh trong đào tạo. Ở Việt Nam, chừng nào còn hạn chế nguồn lực này thì chừng đó việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu của thị trường chỉ là khẩu hiệu.

### III. KẾT LUẬN VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ

1. Hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Lợi ích của quá trình này là rất rõ đối với những nước giàu nhưng chỉ rõ đối với nước nghèo trong trường hợp nhận thức đúng và chủ động tham gia hội nhập. Sự khác biệt phương pháp tiếp cận và chênh lệch về trình độ tư duy phát triển trong nước với cộng đồng quốc tế là cội rễ của tình trạng ngập ngừng trong hội nhập.

2. Để hội nhập thành công, cần phải giảm bớt hoặc chấp nhận vứt bỏ các nguyên tắc riêng không phù hợp với luật chơi chung của cộng đồng quốc tế. Hội nhập không chỉ lĩnh vực kinh tế mà tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó lấy mục tiêu phát triển con người làm trung tâm. Cách tiếp cận hội nhập không nên nhìn từ một lĩnh vực, có tính đột phá hoặc thí điểm mà phải nhìn từ tổng thể của quốc gia dựa trên quan điểm tư duy phát triển và cơ chế thị trường.

3. Chiến lược CNH rút ngắn của Việt Nam có thể thành hiện thực nếu thành công trong hội nhập, nếu không thành công thực sự trong hội nhập thì mục tiêu trở thành nước công nghiệp tụt hậu tương lai khó tránh khỏi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Đức Định (chủ biên), *Một số vấn đề chiến lược công nghiệp hóa và lý thuyết phát triển*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1999.
2. Võ Đại Lực, *Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế thế giới*, số 3 năm 1997.
3. Đỗ Hoài Nam, *Một số chính sách phát triển công nghiệp nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Tài liệu của Trung tâm Thông tin tư liệu, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 9-1994.
4. Phùng Xuân Nhạ, *Đầu tư trực tiếp nước ngoài phục vụ công nghiệp hóa ở Malaysia*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2000.
5. Lê Bàn Thạch - Trần Thị Tri, *Công nghiệp hóa ở NICs Đông Á và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2000.
6. Nguyễn Thành Bang, *Một suy nghĩ về con đường hiện đại hóa đất nước trong thời đại ngày nay*, Tạp chí *Cộng sản*, số 8-1994.

7. Phan Văn Khải, *Một số nội dung mới trong quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng*, Tạp chí *Cộng sản*, số 9-1994.
8. Phạm Quốc Trụ (chủ biên), *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa: vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
9. *Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Bộ Ngoại giao, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
10. Lê Hữu Nghĩa, *Toàn cầu hóa: những vấn đề chính trị-xã hội*, Tạp chí *Nghiên cứu lý luận*, số 22, 11-1998.
11. *Tư duy mới về phát triển cho thế kỷ XXI*, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
12. Kiyhiko Fukushima và C.H.Kwan, *Foreign direct investment and regional industrial restructuring in Asia, the new wave of foreign direct investment in Asia*, NRI, 1998.
13. Rajah Rasiah, *Foreign capital and industrialization in Malaysia*. St.Martin's Press, 1995.